

Bản án số: 147/2024/HS-PT
Ngày: 16-8-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trương Ngọc Hồng**

Các Thẩm phán: Bà **Nguyễn Diệu Hiền**

Ông **Vũ Thế Mạnh**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Hoàng Minh Hiếu** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:
Bà **Đỗ Thị Tuyết Nhung** - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 196/2023/TLPT-HS ngày 21 tháng 11 năm 2023 đối với các bị cáo Nguyễn Thị Kim T, Phạm Minh P, Phan Văn C do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 56/2023/HS-ST ngày 11 tháng 10 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1978; Không có nơi đăng ký thường trú; Nơi cư trú: Ấp M, xã B, huyện C, tỉnh Kiên Giang; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: Không biết chữ; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Văn N và bà Lê Thị Ú (chết); chồng: Lê Thanh L (không còn sống chung, không đăng ký kết hôn); con ruột có 04 người, lớn nhất sinh năm 2005, nhỏ nhất sinh năm 2018. tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

2. Phan Văn C, sinh năm 1986; Nơi thường trú: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Kiên Giang; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: Không biết chữ; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; con ông Phan Hoàng M (chết) và bà Huỳnh Thị T1; vợ: Lê Thị Kim N1 (không còn sống chung, không đăng ký kết hôn); con ruột có 02 người, lớn nhất sinh năm 2013,

nhỏ nhất sinh năm 2015.

- Tiền án: Ngày 24/12/2008 bị Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, xử phạt 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Đến ngày 21/8/2009 chấp hành xong hình phạt tù. Chưa được xóa án tích (do chưa bồi thường về dân sự và chưa nộp án phí).

- Tiền sự: Không. Tuy nhiên, ngày 08/11/2005 bị Ủy ban nhân dân tỉnh K đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc 24 tháng. Đến ngày 10/11/2007 chấp hành xong hình phạt.

Bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

3. Phạm Minh P, sinh năm 1985; Nơi thường trú: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Kiên Giang; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: Không biết chữ; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; con ông Phạm Văn Đ (chết) và bà Trần Thị T2; chưa có vợ; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú (Bị cáo có mặt tại phiên tòa)

- *Người đại diện hợp pháp của bị cáo Phạm Minh P: Bà Trần Thị T2*, sinh năm 1956 (mẹ bị cáo).

Nơi thường trú: Ấp A, xã B, huyện C, Kiên Giang.

- *Người bào chữa cho bị cáo Phạm Minh P: Bà Nguyễn Thúy L1* - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh K (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng đầu tháng 9 năm 2022 Nguyễn Thị Kim T đi mua phế liệu ngang nhà máy N3 “Nhiều A” (Công ty TNHH N4) tại ấp M, xã B, huyện C, tỉnh Kiên Giang do ông Trương Minh A1 làm chủ sở hữu. Do ông A1 đóng cửa nhà máy và không cử người trông giữ nên T đi vào bên trong thì phát hiện có 03 motor điện 3 pha 380V Toshiba 125Hp, đã qua sử dụng được gắn cố định vào khung sắt trong nhà máy nên T rủ Phạm Minh P, T, Võ Thị Út N2, Lê Thị Hồng G đi trộm motor bán lấy tiền chia nhau xài, T kêu P rủ thêm Phan Văn C. Đến tối cả nhóm tập trung tại quán C2 thuộc ấp M, xã B để uống cà phê, lúc này có T, P, C, H, N2, G và 01 người đàn ông tên L2 khoảng hơn 30 tuổi (chưa xác định họ tên, tuổi, địa chỉ cụ thể), T nhắc lại việc đi trộm cắp tài sản là motor điện bán lấy tiền tiêu xài thì tất cả đồng ý và đến 20 giờ cùng ngày thì cả nhóm đi đến nhà máy N3 “Nhiều A1”. Khi đến nơi, C, P thấy L2 lấy dụng cụ tháo motor nên C và P cùng với L2 tháo motor từ khung sắt ra. T đứng bên ngoài quan sát thấy

chiếc motor có kích thước lớn nên T nói: “Ai có xe ba gác đem lại để chở motor”, G nghe T nói vậy nên một mình đi đến vừa phế liệu của bà Nguyễn Thị Mộng T3 ở cùng ấp, G lấy chiếc xe ba gác mà G đi mua phế liệu hàng ngày rồi kéo xe quay lại hăng nước đá Nhiều A1. Khi C, P và Lâm tháo được motor cả nhóm cùng nhau đẩy motor lên xe ba gác rồi lên lút đẩy xe ba gác chở motor đến vừa phế liệu bà T3 và để tại đây.

Đến sáng hôm sau, T cùng P, C, H, N2, G và L2 đến vừa phế liệu bà T3 để bán motor nhưng bà T3 không đồng ý mua nguyên cái nên cả nhóm để motor xuống khu đất trống trước vừa phế liệu bà T3, nhóm của T đập motor ra lấy sắt và dây đồng riêng. Sau đó, nhóm của T cân bán cho bà T3 được số tiền 4.360.000 đồng. Sau khi bán xong cả nhóm đi đến quán cà phê Sỹ H1. Tại đây, T chia cho C 600.000 đồng, P 600.000 đồng, G 600.000 đồng, H khoảng 450.000 đồng, N2 khoảng 450.000 đồng, T được 600.000 đồng, số tiền còn lại chia cho L2 và trả tiền cà phê.

Lần thứ hai: Vào khoảng 20 giờ ngày 10/9/2022 T cùng với C, P, G, N2, H, L2 tiếp tục gặp nhau tại quán Sỹ Hùng lần này có thêm 02 thanh niên (chưa xác định tên, tuổi, địa chỉ cụ thể). Tại đây, cả nhóm bàn bạc với nhau sẽ tiếp tục đến nhà máy nước đá “Nhiều A1” để trộm tiếp một cái motor điện thì cả nhóm đồng ý. Liên lúc đó nhóm của T cùng nhau đi đến nhà máy N3 “Nhiều A1”, C, P, L2 và 02 thanh niên cùng nhau tháo motor ra khỏi khung sắt. Giống như lần trộm thứ nhất, G tiếp tục đi lấy xe ba gác và cùng với cả nhóm đẩy motor lên xe ba gác rồi đẩy đến vừa phế liệu của bà T3. Sáng ngày hôm sau đập motor ra lấy sắt và dây đồng bán được 4.360.000 đồng. Sau khi bán xong T chia cho C được 600.000 đồng, P được 600.000 đồng, G được 600.000 đồng, T được 460.000 đồng, H được khoảng 280.000 đồng, N2 được 280.000 đồng, số tiền còn lại chia cho L2 và 02 thanh niên.

Sau khi bị mất tài sản ngày 13/9/2022 ông A1 đã đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện C để trình báo sự việc. Sau đó, Cơ quan cảnh sát điều tra đã tiến hành mời T, C, P, G, N2, H về làm việc, tất cả thừa nhận hành vi trộm cắp của mình.

- *Tại bản kết luận định giá tài sản số: 46/KL-HĐTĐGTS ngày 08/11/2022 của Hội đồng thẩm định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện C kết luận:*

+ 01 (một) motor 03 pha điện 380, nhãn hiệu: TOSHIBA, xuất xứ Nhật Bản, mỗi cái có công suất 125HP, đã qua sử dụng, mua lại của người khác vào năm 2020, thời điểm xảy ra vụ án (tháng 9/2022) có giá là 38.000.000 đồng.

+ 01 (một) motor 03 pha điện 380, nhãn hiệu: TOSHIBA, xuất xứ Nhật Bản, mỗi cái có công suất 125HP, đã qua sử dụng, mua lại của người khác vào năm 2020, thời điểm xảy ra vụ án (tháng 9/2022) có giá là 38.000.000 đồng. Tổng giá trị tài sản là 76.000.000 đồng.

Đối với Phạm Minh P trong quá trình điều tra vụ trộm motor điện, P tiếp tục có hành vi trộm cắp máy hàn tại Công ty cổ phần T5 thuộc ấp M xã B, huyện C, Kiên Giang, cụ thể: Do thường xuyên đi mua phế liệu thấy có một máy hàn để phía trong hàng rào của Công ty nên P muốn lấy trộm chiếc máy hàn trên. Khoảng 04 giờ ngày 27/11/2022, P một mình đi đến Công ty cổ phần T5. Sau khi quan sát không thấy người, P lén lút leo hàng rào vào bên trong khu vực Công ty và đi lại chỗ kê lấy trộm máy hàn nhãn hiệu Pilo, Model: ARC 215, màu xanh đem ra bên ngoài. Sau đó P đến nhà ông Huỳnh Văn E và tự để máy hàn tại đây. Sau khi bị mất tài sản, ông Nguyễn Vũ L3 là nhân viên Công ty đã đến Công an xã B để trình báo sự việc. Sau đó, Công an xã B mời P lên làm việc thì P đã đem máy hàn lên giao nộp và thừa nhận hành vi phạm tội của mình.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 47/KL-HĐTĐGTS ngày 20/12/2022 của Hội đồng thẩm định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện C kết luận: 01 (một) máy hàn nhãn hiệu Pilo, Model: ARC 215, màu xanh, đã qua sử dụng. Giá tại thời điểm xảy ra vụ án (tháng 11/2022) là 3.038.000 đồng.

Tại bản kết luận giám định pháp y về tâm thần số 22/2023/KLGD ngày 19/01/2023 của Trung tâm P1 kết luận đối với Phạm Minh P:

Về y học: Tại các thời điểm phạm tội (lần 01: Vào khoảng đầu tháng 9/2022, lần 02: Ngày 10/9/2022, lần 03: Ngày 27/11/2022) và hiện tại: Đang sự có bệnh lý tâm thần: Chậm phát triển tâm thần nhẹ (F70 - ICD10).

Về năng lực: Tại các thời điểm phạm tội (lần 01: Vào khoảng đầu tháng 9/2022, lần 02: Ngày 10/9/2022, lần 03: Ngày 27/11/2022) và hiện tại: Đang sự hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi.

Tại Công văn số 22.0/PYTT ngày 19/01/2023 của Trung tâm P1 đối với Phạm Minh P thể hiện:

- *Về trách nhiệm hình sự:* Tại các thời điểm phạm tội (lần 01: Vào khoảng đầu tháng 9/2022, lần 02: Ngày 10/9/2022, lần 03: Ngày 27/11/2022) và hiện tại: Đang sự có năng lực trách nhiệm hình sự.

** Về vật chứng thu giữ trong vụ án và hướng xử lý vật chứng:*

Quá trình điều tra Cơ quan cảnh sát điều tra không thu giữ vật chứng.

** Về trách nhiệm dân sự:* Quá trình điều tra đại diện theo ủy quyền của Công ty TNHH N4 là ông Trương Minh T4 yêu cầu các bị cáo liên đới bồi thường giá trị 02 cái motor điện với số tiền 76.000.000 đồng. Tại phiên tòa ông T4 chỉ yêu cầu các bị cáo liên đới bồi thường cho công ty số tiền 15.860.000 đồng.

Đại diện theo ủy quyền của Công ty cổ phần T5 là ông Danh Huy B đã nhận lại tài sản là 01 máy hàn bị cáo P lấy trộm. Hiện không có yêu cầu gì thêm nên không xem xét.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 56/2023/HS-ST ngày 11 tháng 10 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Kim T, Phan Minh C1, Phạm Minh P phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Áp dụng điểm a, c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1,2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 17 và Điều 38 Bộ luật hình sự

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Kim T 03 năm tù, Thời điểm tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Áp dụng điểm a, c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 17 và Điều 38 Bộ luật hình sự,

Xử phạt bị cáo Phan Văn C 03 năm tù. Thời điểm tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Áp dụng điểm a, c khoản 2 Điều 173; điểm b, q, s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17 và Điều 38, khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự,

xử phạt bị cáo Phạm Minh P 02 năm tù. Thời điểm tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Bản án còn tuyên xử bị cáo Thị H2 từ 02 năm tù; bị cáo Võ Thị Út N2 từ 02 năm tù, bị cáo Lê Thị Hồng G từ 02 năm 06 tháng tù.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm dân sự, án phí và bảo quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

Ngày 12, 20, 25/10/2023, các bị cáo Nguyễn Thị Kim T, Phan Minh C1, Phạm Minh P có đơn kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo.

** Tại phiên tòa phúc thẩm:* Các bị cáo thừa nhận cấp sơ thẩm đã xét xử các bị cáo về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo điểm a, c khoản 2 Điều 173 Bộ luật

hình sự là đúng tội và giữ nguyên kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau: Tòa án cấp sơ thẩm tuyên hình phạt tù tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo; các bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo nhưng không cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ nào mới nên không có căn cứ để chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo; giữ nguyên bản án sơ thẩm đã tuyên.

Bà Nguyễn Thúy LI - Trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho bị cáo Phạm Minh P trình bày quan điểm: Bị cáo thành khẩn khai báo; nhân thân tốt; gia đình nghèo, mồ côi cha; bị hạn chế khả năng nhận thức điều khiển hành vi; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt. Đề nghị Hội đồng xét xử chuyển khung hình phạt thấp nhất cho bị cáo.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: Nguyễn Thị Kim T, Phan Minh C1, Phạm Minh P xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo:

Xét đơn kháng cáo của các bị cáo về nội dung, quyền kháng cáo, thủ tục kháng cáo và thời hạn kháng cáo đã đúng quy định tại Điều 331, 332 và 333 của Bộ luật tố tụng hình sự. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về quyết định của Bản án sơ thẩm:

Do muốn có tiền tiêu xài cá nhân nên các bị cáo Nguyễn Thị Kim T, Phạm Minh P, Phan Văn C,... lén lút lấy trộm 02 motor tại nhà máy N3 “Nhiều An” của ông Trương Minh A1 làm chủ sở hữu, để bán lấy tiền chia nhau tiêu xài. Qua định giá tài sản tại thời điểm bị mất trộm là 76.000.000 đồng. Riêng bị cáo P còn lén lút lấy trộm máy hàn của Công ty cổ phần T5. Định giá tại thời điểm mất trộm là 3.038.000 đồng. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử các bị cáo T, P, C về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm a, c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của các bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo: Hội đồng xét xử xét thấy, hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm

cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác. Các bị cáo không muốn lao động chân chính mà chỉ muốn hưởng thụ bằng cách chiếm đoạt tài sản, công sức của người khác. Hành vi của các bị cáo liều lĩnh, gây tâm lý hoang mang của bị hại và người dân xung quanh khu vực. Cấp sơ thẩm đã áp dụng các tình tiết giảm nhẹ xử phạt các bị cáo mức án tương xứng với hành vi phạm tội. Các bị cáo kháng cáo nhưng không cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ nào mới; các bị cáo phạm tội nghiêm trọng, nhiều tình tiết định khung và tình tiết tăng nặng phạm tội 02 lần trở lên; tái phạm nên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo.

[4] Về quan điểm của đại diện Viện kiểm sát: Đề nghị áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo; giữ nguyên bản án sơ thẩm là phù hợp.

[5] Về quan điểm của Trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho bị cáo Phạm Minh P là không có cơ sở để chấp nhận.

[6] Về án phí: Các bị cáo T, C, P kháng cáo không được chấp nhận nên các bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm là 200.000 đồng.

Các Quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ Luật tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Thị Kim T, Phan Minh C1, Phạm Minh P; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

2. Áp dụng điểm a, c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17 và Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Kim T 03 năm tù. Thời điểm chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo vào chấp hành án.

3. Áp dụng điểm a, c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 17 và Điều 38 Bộ luật hình sự,

Xử phạt bị cáo Phan Văn C 03 năm tù. Thời điểm chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo vào chấp hành án.

4. Áp dụng điểm a, c khoản 2 Điều 173; điểm b, q, s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17 và Điều 38, khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự,

Xử phạt bị cáo Phạm Minh P 02 năm tù. Thời điểm chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo vào chấp hành án.

5. Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Nguyễn Thị Kim T, Phan Minh C1, Phạm Minh P mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm là 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng).

6. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm số 56/2023/HS-ST ngày 11 tháng 10 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Vụ giám đốc kiểm tra 1 (1);
- VKSND Cấp cao tại Tp . (1);
- TAND Cấp cao tại Tp . (1);
- VKSND tỉnh KG (1);
- Sở Tư pháp tỉnh KG (1);
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ CA tỉnh K (1);
- Bị cáo (1);
- Cơ quan điều tra huyện (1)
- VKS huyện (1)
- Tòa án huyện (1)
- Thi hành án hình sự huyện (1)
- Chi cục thi hành án dân sự huyện (1)
- Tổ hành chính tư pháp (1);
- Đương sự (2)
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu tòa hình sự (5).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Ngọc H3

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 56/2023/HS-ST ngày 11 tháng 10 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang đã quyết định:

[3] Xét kháng cáo của các bị cáo xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

[4] Về quan điểm của Viện kiểm sát: Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Các bị cáo kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu án phí phúc thẩm 200.000 đồng.

[6] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 355, Điều 358 Bộ Luật tố tụng hình sự.
 - Hủy bản án sơ thẩm số 56/2023/HS-ST ngày 11 tháng 10 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.
 - Chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang để điều tra lại theo thủ tục chung.
2. Về án phí: Các bị cáo Nguyễn Thị Kim T, Phạm Minh P, Phan Văn C, Lê Thị Hồng G, Võ Thị Út N2 và Thị H2 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.
3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Vụ giám đốc kiểm tra 1 (1);
- VKSND Cấp cao tại Tp. HCM (1);
- TAND Cấp cao tại Tp. HCM (1);
- VKSND tỉnh KG (1);
- Sở Tư pháp tỉnh KG (1);
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ CA tỉnh KG (1);
- Bị cáo (1);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Cơ quan điều tra huyện (1)
- VKS huyện (1)
- Tòa án huyện (1)
- Thi hành án hình sự huyện (1)
- Chi cục thi hành án dân sự huyện (1)
- Tổ hành chính tư pháp (1);
- Đương sự (2)
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu tòa hình sự (5).

Trương Ngọc Hồng